

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN-TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2019

Kính gửi:.....
.....
.....

Nghệ An, tháng 5 năm 2020

Số: *106* /BC-KLM

Quy Hợp, ngày 26 tháng 05 năm 2020

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH
Năm báo cáo 2019**

I. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1. Giới thiệu chung về công ty

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU NGHỆ TĨNH
Tên Tiếng Anh : NGHE TINH NON - FERROUS METAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt : MENETCO
Trụ sở chính : Khối Hợp Xuân, Thị Trấn Quy Hợp, Huyện Quy Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
Điện thoại : (+84-238) 3883148 Fax: (+84-238) 3883304
Tài khoản giao : 51410000000014 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Phủ Quy - PGD dịch Quy Hợp
Website : congtykimloaimaunghetinh.com
Mã cổ phiếu: KLM
Người đại diện : Ông Nguyễn Ngọc Nam – Giám đốc theo pháp luật

Vốn điều lệ : 38.850.000.000 đồng

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp: 2900324603 đăng ký lần đầu ngày 8/9/2008. Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 5 năm 2018, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Tư vấn thăm dò, khảo sát, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản (quặng, thiếc và các khoáng sản khác

Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân của Công ty cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh hiện nay là Xí nghiệp liên hợp thiếc Nghệ Tĩnh được thành lập ngày 14/7/1984.

Ngày 29/5/1993, Bộ Công nghiệp ra quyết định số 336/QĐ/TCNSĐT Xí nghiệp liên hiệp thiếc Nghệ Tĩnh đổi tên thành Công ty Kim loại màu Nghệ Tĩnh.

Ngày 28/07/2004, Bộ Công Nghiệp Ra Quyết Định Số 65/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Công ty Kim loại màu Nghệ Tĩnh thành Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Kim loại màu Nghệ Tĩnh.

Ngày 26/05/2008, theo theo Quyết định số 1205/QĐ-HĐQT ngày 26/05/2008 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam về việc chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Kim loại màu Nghệ Tĩnh thành Công ty cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh. ; chính thức hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2703002021 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 08 tháng 9 năm 2008. Nay đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 5 năm 2018 mã số doanh nghiệp 2900324603

2. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Công ty cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh chưa thực hiện phát hành tăng vốn dưới bất kỳ hình thức nào.

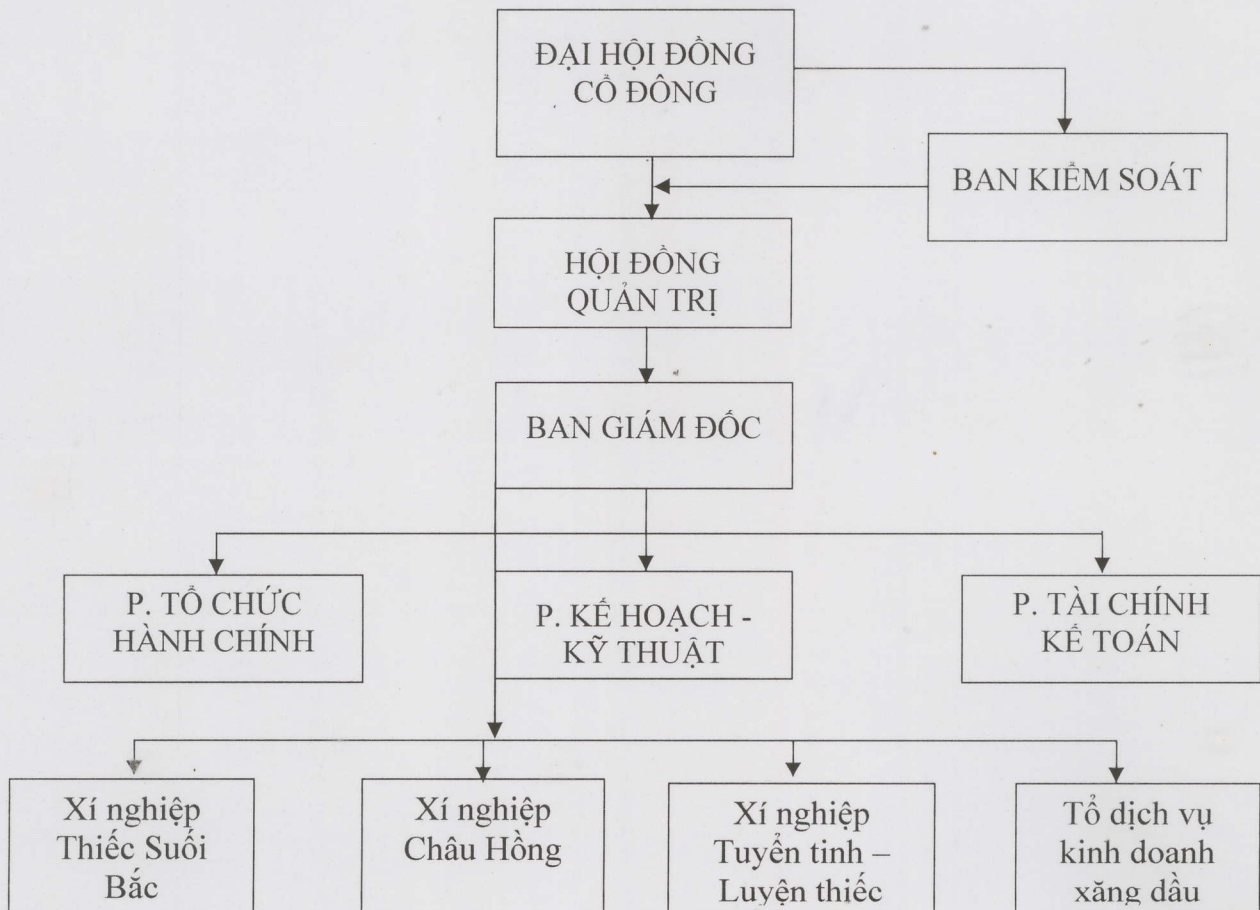
3. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty:

+ Hội đồng quản trị: 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT	
+ Ban kiểm soát: 01 Trưởng BKS và 02 thành viên BKS	
+ Giám đốc và Phó Giám đốc	
+ 03 Phòng trực thuộc	: - Phòng Tổ chức - Hành chính - Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật - Phòng Tài chính - Kế toán
+ 04 Đơn vị thành viên	: - Xí nghiệp Thiếc Suối Bắc - Xí nghiệp Châu Hồng - Xí nghiệp Tuyên tỉnh - Luyện thiếc - Tổ dịch vụ kinh doanh xăng dầu

Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty



3.1. Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định

3.3. Ban Kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại, Ban kiểm soát của Công ty gồm

3.4. Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

3.5. Các phòng, ban khác

*** Phòng Tổ chức - Hành chính:**

Tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, lãnh đạo Công ty công tác quản lý văn phòng, hành chính quản trị, văn hóa thể thao, quan hệ với tổ chức và cá nhân trong và ngoài Công ty đảm bảo theo đúng điều lệ, quy chế, quy định của Công ty và quy định của Pháp luật; Công tác tổ chức, quy hoạch cán bộ và đào tạo; công tác thi đua khen thưởng; quản lý lao động tiền lương và chính sách xã hội đối với người lao động trong toàn Công ty; tổ chức thực hiện công tác thanh kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu tố, công tác bảo vệ tự vệ, công tác quân sự và an ninh trật tự nội bộ.

*** Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật:** Tham mưu, giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh - giá thành; kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và điều độ sản xuất; công tác tiếp cận thị trường, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng và quản lý vật tư, phụ tùng, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Mua, bán sản phẩm, lao vụ và dịch vụ thuộc ngành nghề kinh doanh của Công ty; công tác quản lý kỹ thuật khai thác, tuyển khoáng, luyện kim, xây dựng, quản lý mỏ, tài nguyên, thăm dò khoáng sản phát triển tài nguyên; hồ sơ xin cấp mỏ, thuê đất, đền bù đất đai giải phóng mặt bằng; quản lý khoa học kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất. Quản lý chất lượng hàng hoá; công tác quản lý kỹ thuật, máy móc thiết bị, cơ điện, đầu tư đổi mới thiết bị, mua sắm phụ tùng, vật tư cơ điện phục vụ sản xuất kinh doanh trong Công ty; công tác an toàn Bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ và môi trường

*** Phòng Tài chính – Kế toán:**

Tham mưu giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc trong lĩnh vực quản lý hệ thống tài chính, kế toán, thống kê trong toàn Công ty.

*** Xí nghiệp thiếc Suối Bắc:**

Chức năng chính là Khai thác và tuyển quặng thiếc gốc.

*** Xí nghiệp thiếc Châu Hồng:**

Chức năng chính là khai thác và tuyển quặng thiếc sa khoáng.

*** Xí nghiệp Tuyển tinh – Luyện thiếc:**

Chức năng chính là Tuyển quặng thiếc và chế biến quặng thiếc thành thiếc thỏi thành phẩm 99,75% Sn và 99,95% Sn.

*** Tổ dịch vụ và kinh doanh xăng dầu:**

Chức năng chính là Kinh doanh xăng, dầu và dầu mỡ phụ.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Sản lượng thiếc thỏi tiêu thụ: 96,21 tấn / 95 tấn đạt 101,3 % KH năm; đạt % so với năm 2018

- Kinh doanh xăng dầu: 2.803.862 lít/ 2.800.000 lít đạt 100,1 % KH năm; đạt 112,1 % so với năm 2018

- Tổng Doanh thu : 88.298,3 tr đồng/88.087,3 triệu đồng đạt 100,2% KH năm; đạt 83,42 % so với năm 2018

- Lợi nhuận trước thuế : 19,56 triệu đồng / 3,13 KH năm; đạt 624,9%

- Nộp ngân sách : 6.147,8 /6.422,8 triệu đồng đạt 95,72 % KH năm; đạt , 72,3% so với năm 2018

- Thu nhập bình quân : 4,128 triệu đồng/4,128 triệu đồng/người/tháng đạt 100 % KH năm; đạt 103 % so với năm 2018

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban Điều hành:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần năm giữ (cp)	Tỷ lệ (%)
I	Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Văn Thái	Chủ tịch		
2	Ngô Quốc Trung	Chủ tịch		
3	Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên		
4	Bùi Văn Tiến	Thành viên		
5	Phạm Hồng Thịnh	Thành viên	100	0,002%
6	Nguyễn Văn Phục	Thành viên		
II	Ban kiểm soát	Trưởng ban KS		
1	Nguyễn Hữu Cường	TV BKS		
2	Đình Hữu Hạnh	TV BKS	2.200	0,056%
3	Nguyễn Thị Vân Anh			
III	Ban giám đốc			
1	Nguyễn Ngọc Nam	Giám đốc	7.400	0.19%
2	Trần Văn Chiến	P.Giám đốc		
3	Nguyễn Thị Thìn	Kế toán trưởng	5.000	0.13%

b. Những thay đổi nhân sự ban điều hành trong năm:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thái	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm 30/10/2019
2	Ngô Quốc Trung	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm 30/10/2019

c. Số lượng cán bộ công nhân viên:

- Số lao động đầu năm : 91 người ; trong đó lao động nữ: 31
- Số tăng trong năm: 0
- Số giảm trong năm: 20 người; trong đó lao động nữ: 10 người
- Số lao động cuối năm: 71 người; trong đó : nữ: 21 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Các khoản đầu tư lớn : Không
- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tỷ lệ % tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	68.140.215.047	53.263.694.407	(21,83%)
2	Doanh thu thuần	103.148.253.694	86.595.389.182	(16,04%)
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(1.094.450.752)	(52.617.603)	(95,19%)
4	Lợi nhuận khác	1.262.759.812	72.182.603	(94,28%)
5	Lợi nhuận trước thuế	168.309.060	19.565.000	(88,37%)
6	Lợi nhuận sau thuế	17.308.174	15.369.261	(11,20%)

Nguồn : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Do giá kim loại thiếc trên thế giới năm 2019 sụt giảm mạnh so với năm 2018 các chỉ số đánh giá tình hình tài chính của Công ty như sau:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH)	Lần	2,8	3,29
	Hệ số thanh toán nhanh (Tiền/NNH)	Lần	1,71	2,47
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0,48	0,34
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,92	0,52
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,77	4,18
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,33	1,41
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,0002%	0,0002%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,0004%	0,0004%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,0002%	0,0003%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,0002%	0,0002%

Nguồn : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu công ty cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh KLM;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đ/cp;
- Tổng số cổ phần: 3.885.000 cp;

- Trong đó: Cổ phần do nhà nước chi phối : 2.367.040 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	04	3.651.200	93,98%
2	Cá nhân	97	233.800	6,02%
	Tổng cộng:	101	3.885.000	100%

* Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không;

* Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không;

* Các chứng khoán khác: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2019, là một năm đặc biệt khó khăn đối với Công ty do cả yếu tố khách quan và chủ quan. hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác mỏ nhưng không có mỏ nào hoạt động được. Nguồn nguyên liệu để chế biến sản phẩm hoàn toàn phụ thuộc vào thị trường, giá nguyên liệu cao hơn rất nhiều so với cân đối của Công ty do đó nguồn nguyên liệu mua vào không đáng kể, các xưởng hoạt động gián đoạn, người lao động thiếu việc làm. Ảnh hưởng cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung giá khoáng sản giảm sâu, đặc biệt giá thiếc giảm dần trong cuối quý 2 và giảm sâu cho đến nay chưa hồi phục được; (giá bán sản phẩm bình quân từ cuối quý 2 đến nay chỉ đạt khoảng 83,3% so với những tháng đầu năm 16.771usd/20.136usd; giá bán cả năm chỉ đạt tương đương 90,9% so với năm trước 18.332usd/20.172usd).

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	68.140.215.047	87,81%	53.263.694.407	86,75%
Tài sản dài hạn	9.455.354.950	12,19%	8.130.434.952	14,25%
Tổng cộng tài sản	77.595.569.997	100%	61.394.129.359	100%

Nguồn : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	24.329.131.435	65,57%	16.203.255.472	77,34%
Nợ dài hạn	12.774.124.981	34,43%	4.746.483.460	22,66%
Tổng nợ	37.103.256.416	100%	20.949.738.932	100%

Nguồn : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Tình hình nợ ngắn hạn năm 2019 đã sụt giảm đáng kể so với năm 2018 chủ yếu là do giảm các khoản phải trả ngắn hạn khác và do giảm khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và trả tiền hoàn thổ mỏ Bản Cô Châu Thành

3. Kế hoạch SXKD năm 2020

3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2020

- Sản lượng thiếc thời sản xuất và tiêu thụ: 100 tấn (110 tấn SnKL).
- Kinh doanh xăng dầu: 2.500.000 lít.
- Doanh thu: 84.876,5 trđ (Trong đó: Thiếc: 46.164,3 trđ; xăng dầu: 38.166,4 tr.đ; doanh thu khác: 545,8 tr.đ).
- Lợi nhuận: 31,2 trđ.
- Tiền lương bình quân: 5,23 trđ/ng/tháng.
- Đầu tư xây dựng cơ bản: 9.808,0 trđ.

3.2. Các giải pháp chính:

- Tiếp tục thực hiện việc tổ chức bộ máy Công ty, sắp xếp lực lượng lao động phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay đảm bảo tinh gọn, hiệu quả. Hoàn thiện và bổ sung các quy chế, quy định tất cả các mặt quản lý của Công ty để có cơ chế quản lý đồng bộ, nhất quán từ Công ty đến các đơn vị thành viên.

- Thực hiện nhất quán nguyên tắc nghiệm thu tiền lương hàng tháng theo doanh thu trừ chi phí và là tiêu chí quan trọng, hàng đầu để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng lực cán bộ quản lý của từng đơn vị.

- Tập trung đẩy mạnh sản lượng tự sản xuất; tăng cường mối quan hệ để thúc đẩy sản lượng nhập, gia công từ các khách hàng. Chủ động trong phương thức tiêu thụ thiếc để có cách thức tiêu thụ hợp lý, mang lại hiệu quả nhất cho Công ty.

- Tích cực tiếp cận với các cơ quan, ban ngành; Đôn đốc tư vấn thực hiện và sớm hoàn thiện phương án chứa thải trình Bộ tài nguyên môi trường phê duyệt và tổ chức thi công bãi chứa thải để xí nghiệp thiếc Suối Bắc có thể sản xuất trở lại trong thời gian sớm nhất.

- Tiếp tục triển khai dự án khai thác quặng sa khoáng Bản Mới để được cấp phép khai thác, khởi động lại công tác đền bù đất ở khai trường Bản Mới-Châu Hồng để làm tiền đề cho những năm tiếp theo.

- Cân đối hiệu quả chung của Công ty, có giải pháp hợp lý để khi cần có thể tăng sản lượng quặng huy động theo giá thị trường. Tích cực và chủ động hợp tác với khách hàng để nhận quặng thiếc và thiếc gia công để tăng thời gian hoạt động cho lò luyện và điện phân, có việc làm cho người lao động.

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động trong năm 2019 và định hướng năm 2020

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị:

- Chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; kỷ luật điều hành của HĐQT công ty; điều hành các hoạt động của Công ty tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, nghị quyết của HĐQT trong đó đã có nhiều giải pháp tích cực trong công tác chỉ đạo điều hành SXKD của Công ty đạt hiệu quả.

- Chủ động và tích cực trong việc tiếp cận với các cơ quan Nhà nước, đơn vị tư vấn trong việc giải quyết thủ tục để phê duyệt ĐTM, CPM của mỏ thiếc gốc Suối Bắc.

- Đã chủ động đề xuất các giải pháp tiêu thụ thiếc hiệu quả hơn, góp phần không nhỏ vào hiệu quả chung và duy trì SX ổn định.

- Chủ động, giải quyết kịp thời tài chính đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Định hướng của HĐQT năm 2020:

Năm 2020 tình hình hoạt động SXKD của Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn, do: Bản Mới chưa đền bù được đất khai thác, Mở thiếc Suối Bắc đang trong thời gian dừng hoạt động để lập hồ sơ điều chỉnh lại thiết kế cơ sở, lập lại ĐTM và CPM; Công tác thu gom quặng thiếc gặp nhiều khó khăn do giá thị trường cao hơn giá Công ty có thể thu mua được; sản lượng bán hàng trong kinh doanh xăng dầu thấp, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro về tài chính lớn, các chính sách của Nhà nước về lĩnh vực khai thác khoáng sản ngày càng chặt chẽ, giá cả một số nguyên liệu, vật tư tăng hơn so với năm trước, địa hình khai thác, công nghệ sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD của Công ty. Trước những khó khăn, trở ngại như vậy, để đạt được mục tiêu về SXKD trong năm 2020, HĐQT định hướng hoạt động chủ yếu như sau:

1. Tái cơ cấu lại tổ chức bộ máy: Kiện toàn lại HĐQT, BKS Công ty; tổ chức, sắp xếp lại Ban điều hành, các phòng công ty theo hướng tinh gọn và hiệu quả
2. Tiếp tục đẩy mạnh để sớm hoàn thiện thủ tục điều chỉnh thiết kế cơ sở, lập lại ĐTM, CPM mở thiếc Suối Bắc đồng thời triển khai thực hiện công tác chuẩn bị cho khai thác tại mỏ.
3. Tăng cường áp dụng cải tiến kỹ thuật vào sản xuất. Có giải pháp hợp lý trong tổ chức và điều hành để tăng năng suất, thực thu, giảm giá thành sản xuất.
4. Tập trung chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc của Công ty thực hiện kế hoạch SXKD theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua và Nghị quyết của HĐQT.
5. Cùng Ban điều hành rà soát và hoàn thiện hệ thống quản lý Công ty gồm: xây dựng các quy chế và quy định mới phù hợp với tình hình hiện nay của Công ty
6. Nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển dài hạn của Công ty phù hợp với tình hình mới.

V. Quản trị Công ty

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Thái	Chủ tịch	Miễn nhiệm HĐQT từ ngày 30/10/2019	05	83,3	Đã miễn nhiệm HĐQT
2	Ông Ngô Quốc Trung	Chủ tịch	Bỏ nhiệm HĐQT từ ngày 30/10/2019	01	16,7	Mới bỏ nhiệm HĐQT
3	Ông Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên		06	100	
4	Bùi Văn Tiên	Thành viên		06	100	
5	Phạm Hồng Thịnh	Thành viên		06	100	
6	Nguyễn Văn Phục	Thành viên		06	100	

Các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của đại diện Ban Kiểm soát Công ty và có thư ký Hội đồng quản trị ghi lại Biên bản chi tiết nội dung họp và có Nghị quyết các cuộc họp. Cụ thể trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã ban hành 06 Nghị quyết và 02 Quyết định của Hội đồng quản trị, cụ thể như bảng dưới đây:

TT	Số nghị quyết, Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung thống nhất
1	NQ Số: 09/NQ-HĐQT	15/01/ 2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2018; kế hoạch SXKD và giải pháp thực hiện năm 2019. - Phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ các chức danh Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty giai đoạn 2016-2020 và 2020-2025 theo tờ trình số 23/TTr-GĐ, ngày 14/01/2019 của Giám đốc Công ty. - Đồng ý bổ nhiệm giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty đối với ông Trần Văn Chiến Giám đốc Xí nghiệp Tuyển tỉnh - Luyện thiếc theo Tờ trình số 24/TTr-GĐ, ngày 14/01/2019 của Giám đốc Công ty. - Thông qua việc triển khai đăng ký đăng ký đại chúng, lưu ký chứng khoán tập trung, đăng ký giao dịch chứng khoán trên thị trường Upcom cho cổ phiếu của Công ty. - Thông qua kết quả kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ đối với người đại diện của Tổng công ty tham gia HĐQT, BKS tại Công ty Cổ phần KLM Nghệ Tĩnh năm 2018.
2	QĐ Số: 11/QĐ-HĐQT	29 / 01/ 2019	<p>Bổ nhiệm Ông Trần Văn Chiến - Giám đốc Xí nghiệp Tuyển tỉnh Luyện thiếc giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2019.</p> <p>Thời hạn giữ chức vụ của Ông Trần Văn Chiến là 05 năm kể từ ngày được bổ nhiệm.</p>
3	NQ Số: 16 /NQ-HĐQT	09 / 4/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả Sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2019 và các giải pháp triển khai thực hiện những tháng tiếp theo. - Chưa điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2019 - Thông qua kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
4	NQ Số: 31 /NQ-HĐQT	20/ 6/2019	<p>Đồng ý chủ trương hợp tác tận thu thiếc trong cát thải tại XN Tuyển tỉnh – Luyện thiếc theo báo cáo số 202/BC-KLM, ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Giám đốc Công ty.</p>
5	NQ Số: 32 /NQ-HĐQT	19 /7/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả Sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2019 và các giải pháp triển khai thực hiện những tháng tiếp theo. - Thông qua chủ trương thanh lý trạm biến áp của Công ty tại xã Châu Thành, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.
6	NQ Số: 34 /NQ-HĐQT	29 / 10/ 2019	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả Sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019 và các giải pháp triển khai thực hiện những

			tháng tiếp theo. - Kéo dài thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty. - Nội dung thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2018-2022 từ ngày 30/10/2019.
7	NQ Số: 37/NQ-HĐQT	30/10/2019 *	Bầu Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần kim loại màu Nghệ Tĩnh nhiệm kỳ 2018 - 2022, kể từ ngày 30/10/2019.
8	QĐ Số: 40/QĐ-HĐQT	26/11/2019	Kéo dài thời hạn giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh đối với bà Nguyễn Thị Thín kể từ ngày 01/12/2019 cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

2. Hoạt động Ban Kiểm soát:

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

TT	Thành viên bKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Hữu Cường	Trưởng ban KS		6	100	
2	Ông Đinh Hữu Hạnh	TV BKS		6	100	
3	Bà Nguyễn Thị Vân Anh	TV BKS		6	100	

* Hoạt động của Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông

- Tổ chức họp BKS định kỳ theo quý với 100% thành viên tham gia.

- Tham dự đầy đủ các buổi họp HĐQT với nhiều đóng góp ý kiến theo chức năng và thẩm quyền.

- Tiến hành rà soát các quy chế quản trị nội bộ của Công ty

- Tiến hành đi kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng, năm

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: VND

TT	Thành viên	Chức danh	Thù lao	Lương, thưởng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc				

1	Ngô Quốc Trung	Chủ tịch HĐQT	4.800.000		4.800.000
2	Nguyễn Văn Thái	Chủ tịch HĐQT	24.000.000		24.000.000
3	Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên HĐQT; GD Cty	25.200.000	168.818.000	194.018.000
4	Bùi Văn Tiến	Thành viên HĐQT	25.200.000		25.200.000
5	Phạm Hồng Thịnh	Thành viên HĐQT	25.200.000		25.200.000
6	Nguyễn Văn Phục	Thành viên HĐQT	25.200.000		25.200.000
7	Trần Văn Chiến	PGĐ Cty		138.485.000	138.485.000
II Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Hữu Cường	Trưởng ban KS	25.200.000		25.200.000
2	Đình Hữu Hạnh	TV BKS	22.800.000	136.659.905	159.459.905
3	Nguyễn Thị Vân Anh	TV BKS	22.800.000		22.800.000
III Kế toán Trưởng					
1	Nguyễn Thị Thìn			105.977.000	105.977.000
IV Thư ký Công ty					
1	Nguyễn Trung Phương		22.800.000	139.339.000	162.139.000

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị Công ty, thực hiện báo cáo và công bố thông tin kịp thời về thông tin định kỳ cũng như bất thường của Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật của kế toán và kiểm toán. Báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.263.694.407	68.140.215.047
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.460.310.436	38.720.263.330
1. Tiền	111		3.745.664.673	3.720.263.330
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.714.645.763	35.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.536.513.142	3.003.500.511
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.710.098.072	2.730.917.267
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.071.630.720	531.665.026
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	23.531.000	1.009.664.868
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.268.746.650)	(1.268.746.650)
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	13.266.870.829	26.416.451.206
1. Hàng tồn kho	141		13.335.385.683	26.416.451.206
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(68.514.854)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.130.434.952	9.455.354.950
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.081.278.643	4.862.770.971
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	5.081.278.643	4.862.770.971
II. Tài sản cố định	220		2.261.955.133	3.018.181.626
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	2.261.955.133	3.018.181.626
- Nguyên giá	222		118.217.174.975	125.985.701.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.955.219.842)	(122.967.519.994)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		787.201.176	1.574.402.353
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	787.201.176	1.574.402.353
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		61.394.129.359	77.595.569.997
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.949.738.932	37.103.256.416
I. Nợ ngắn hạn	310		16.203.255.472	24.329.131.435
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	39.500.000	3.391.671.445
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8	234.091.133	721.742.383
4. Phải trả người lao động	314		434.707.655	2.259.457.930
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.9	15.246.978.129	15.720.710.426
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10a	33.026.249	1.004.153.423
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		214.952.306	1.231.395.828
II. Nợ dài hạn	330		4.746.483.460	12.774.124.981
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.10b	309.298.800	476.298.800
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.11	4.437.184.660	12.297.826.181
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.444.390.427	40.492.313.581
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	40.444.390.427	40.492.313.581

1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.850.000.000	38.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.850.000.000	38.850.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.579.021.166	1.579.021.166
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	45.984.241
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.369.261	17.308.174
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.369.261	17.308.174
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		61.394.129.359	77.595.569.997

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

¹ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	86.595.389.182	103.148.253.694
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	86.595.389.182	103.148.253.694
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	82.859.085.893	99.373.940.682
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.736.303.289	3.774.313.012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.593.813.656	1.276.585.585
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.4	212.117.052	318.846.348
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	5.170.617.496	5.826.503.001
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(52.617.603)	(1.094.450.752)
11. Thu nhập khác	31		109.090.909	1.423.982.114
12. Chi phí khác	32		36.908.306	161.222.302
13. Lợi nhuận khác	40	VI.6	72.182.603	1.262.759.812
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.565.000	168.309.060
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	4.195.739	151.000.886
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.369.261	17.308.174
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	4	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.565.000	168.309.060
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		684.559.393	1.328.932.396
- Các khoản dự phòng	03		(7.792.126.667)	(366.085.918)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.702.904.565)	(2.440.257.971)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(8.790.906.839)	(1.309.102.433)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.737.706.320)	8.365.885.610
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.081.065.523	(67.551.766)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.104.219.344)	731.871.522
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		787.201.177	(1.574.402.353)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(30.434.271)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(145.974.565)	(226.376.832)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		100.500.000	20.830.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.108.568.837)	(118.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.949.043.476)	5.823.153.748
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(592.107.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		109.090.909	1.481.052.342
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.579.999.673	393.199.553
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.689.090.582	1.282.144.622
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.259.952.894)	7.105.298.370
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		38.720.263.330	31.614.964.960
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	36.460.310.436	38.720.263.330

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở giao dịch CK HN;
- HĐQT, BKS;
- Ban GD Cty;
- Lưu TCKT.



Nguyễn Ngọc Nam